

Số: **934** /QĐ-ĐHSPKT

TP. Hồ Chí Minh, ngày **12** tháng **03** năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Ban hành Quy định về Sở hữu trí tuệ
của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 426/TTg ngày 27 tháng 10 năm 1976 của Thủ tướng Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong mạng lưới các trường đại học và Quyết định số 118/2000/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức lại Đại học Quốc gia Thành Phố Hồ Chí Minh, tách Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 937/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2727/QĐ-ĐHSPKT ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Hiệu Trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 07/VBHN-VPQH ngày 25/6/2019 của Văn phòng Quốc hội về việc hợp nhất Luật số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005, Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14/6/2019 về Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Nghị Quyết số: 06/NQ-HĐT ngày 06/3/2020 của Hội đồng trường;

Xét đề nghị của Trường phòng Khoa học Công nghệ - Quan hệ Quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định về Sở hữu trí tuệ của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh.

Điều 2. Phòng Khoa học Công nghệ - Quan hệ Quốc tế, Trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Hội đồng trường (để báo cáo);
- Ban giám hiệu (để báo cáo);
- Lưu: VT, KHCN-QHQT.



QUY ĐỊNH

Về Sở hữu trí tuệ của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 934 /QĐ-ĐHSPKT ngày 12 / 03 /2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ, khai thác, sử dụng, phân chia lợi ích và quản lý tài sản trí tuệ của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Giảng viên, sinh viên, cán bộ viên chức, học viên cao học, nghiên cứu sinh của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh.
2. Các tổ chức và cá nhân khác có tham gia hợp tác với Trường trong việc tạo ra, khai thác, sử dụng sản phẩm trí tuệ thuộc quyền sở hữu của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Quyền sở hữu trí tuệ* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp.
2. *Quyền tác giả* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu.
3. *Quyền liên quan đến quyền tác giả* (sau đây gọi là quyền liên quan) là quyền của tổ chức, cá nhân đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa.
4. *Quyền sở hữu công nghiệp* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu và quyền chống cạnh tranh không lành mạnh.
5. *Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ* là chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ hoặc tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ.
6. *Tác phẩm* là sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và khoa học thể hiện bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào.

7. *Tác phẩm phái sinh* là tác phẩm dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác, tác phẩm phóng tác, cải biên, chuyển thể, biên soạn, chú giải, tuyển chọn.

8. *Tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã công bố* là tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã được phát hành với sự đồng ý của chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan để phổ biến đến công chúng với một số lượng bản sao hợp lý.

9. *Sao chép* là việc tạo ra một hoặc nhiều bản sao của tác phẩm hoặc bản ghi âm, ghi hình bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào, bao gồm cả việc tạo bản sao dưới hình thức điện tử.

10. *Phát sóng* là việc truyền âm thanh hoặc hình ảnh hoặc cả âm thanh và hình ảnh của tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng đến công chúng bằng phương tiện vô tuyến hoặc hữu tuyến, bao gồm cả việc truyền qua vệ tinh để công chúng có thể tiếp nhận được tại địa điểm và thời gian do chính họ lựa chọn.

11. *Sáng chế* là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng việc ứng dụng các quy luật tự nhiên.

12. *Kiểu dáng công nghiệp* là hình dáng bên ngoài của sản phẩm được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc sự kết hợp những yếu tố này.

13. *Mạch tích hợp bán dẫn* là sản phẩm dưới dạng thành phẩm hoặc bán thành phẩm, trong đó các phần tử với ít nhất một phần tử tích cực và một số hoặc tất cả các mối liên kết được gắn liền bên trong hoặc bên trên tấm vật liệu bán dẫn nhằm thực hiện chức năng điện tử. Mạch tích hợp đồng nghĩa với IC, chip và mạch vi điện tử.

14. *Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn* (sau đây gọi là thiết kế bố trí) là cấu trúc không gian của các phần tử mạch và mối liên kết các phần tử đó trong mạch tích hợp bán dẫn.

15. *Nhãn hiệu* là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hoá, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau.

20. *Tên thương mại* là tên gọi của tổ chức, cá nhân dùng trong hoạt động kinh doanh để phân biệt chủ thể kinh doanh mang tên gọi đó với chủ thể kinh doanh khác trong cùng lĩnh vực và khu vực kinh doanh.

Khu vực kinh doanh quy định tại khoản này là khu vực địa lý nơi chủ thể kinh doanh có bàn hàng, khách hàng hoặc có danh tiếng.

22. *Bí mật kinh doanh* là thông tin thu được từ hoạt động đầu tư tài chính, trí tuệ, chưa được bộc lộ và có khả năng sử dụng trong kinh doanh.

23. *Văn bằng bảo hộ* là văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho tổ chức, cá nhân nhằm xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, nhãn hiệu.

CHƯƠNG II

XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Điều 4. Các đối tượng sở hữu trí tuệ

1. Các đối tượng sở hữu trí tuệ (SHTT) của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh được thể hiện hoặc mô tả dưới các hình thức:

- a) Bài báo khoa học;
 - b) Thuyết minh, báo cáo tổng kết đề tài;
 - c) Sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu;
 - d) Tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng;
 - e) Tác phẩm kiến trúc;
 - f) Sơ đồ, bản vẽ, quy trình công nghệ, giải pháp kỹ thuật;
 - g) Chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu;
 - h) Thiết bị, máy móc mới chế tạo;
 - i) Bài giảng;
 - j) Đồ án, luận văn, luận án tốt nghiệp;
 - k) Sách chuyên khảo, giáo trình và tác phẩm khác được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác;
 - l) Tên trường, logo của Trường và đơn vị trực thuộc;
 - m) Tác phẩm báo chí, nhiếp ảnh và điện ảnh;
 - n) Bài phát biểu và bài nói khác;
2. Tác phẩm phái sinh chỉ được bảo hộ theo quy định tại khoản 1 Điều này nếu không gây phương hại đến quyền tác giả đối với tác phẩm được dùng để làm tác phẩm phái sinh.

3. Tác phẩm được bảo hộ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải do tác giả trực tiếp sáng tạo bằng lao động trí tuệ của mình mà không sao chép từ tác phẩm của người khác.

Điều 5. Chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ

1. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh là chủ sở hữu quyền SHTT các tài sản trí tuệ do giảng viên, sinh viên, cán bộ viên chức, học viên cao học, nghiên cứu sinh của Trường tạo ra từ một trong các yếu tố sau:

- a) Sử dụng ngân sách Nhà nước hoặc hợp tác quốc tế thông qua Trường, hoặc từ kinh phí của Trường (bao gồm cả các đơn vị trực thuộc).
- b) Sử dụng thời gian làm việc hành chính; cơ sở vật chất của Trường.

c) Nhà trường giao nhiệm vụ cho cá nhân và đơn vị thuộc Trường thực hiện.

d) Nhà trường ký hợp đồng để tạo ra sản phẩm.

2. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh là **chủ sở hữu quyền SHTT** đối với các tài sản trí tuệ được tạo ra trong quá trình làm việc theo hợp đồng làm việc với cộng tác viên, giảng viên thỉnh giảng và lao động hợp đồng có sử dụng nguồn lực của trường trong việc tạo ra tài sản trí tuệ, trừ khi hợp đồng liên quan có thỏa thuận khác.

3. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh là **đồng chủ sở hữu quyền SHTT** với các tổ chức, cá nhân khác trong quá trình hợp tác nghiên cứu, hợp tác đầu tư phát triển, trừ khi hợp đồng liên quan có thỏa thuận khác.

Điều 6. Quyền tác giả và đồng tác giả

1. Quyền tác giả đối với tài sản trí tuệ bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản.

a) Quyền nhân thân

- Đặt tên cho tác phẩm;
- Đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm; được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng;
- Công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố;
- Bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả.

b) Quyền tài sản

- Làm tác phẩm phái sinh;
- Biểu diễn tác phẩm trước công chúng;
- Sao chép tác phẩm;
- Phân phối, nhập khẩu bản gốc hoặc bản sao tác phẩm;
- Truyền đạt tác phẩm đến công chúng bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác;
- Cho thuê bản gốc hoặc bản sao tác phẩm.

2. Trường hợp có hai tác giả trở lên cùng nhau trực tiếp tạo ra tài sản trí tuệ là đồng tác giả và được hưởng các quyền nhân thân và quyền tài sản theo quy định tương ứng của Luật SHTT, pháp luật dân sự và pháp luật có liên quan.

3. Các tác giả và đồng tác giả tài sản trí tuệ là giảng viên, cán bộ viên chức của Trường được thưởng theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường.

Điều 7. Chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ

1. Chuyển nhượng quyền SHTT là việc Trường chuyển giao quyền sở hữu đối với các quyền đã nêu tại Điều 6 quy định này cho tổ chức, cá nhân khác theo hợp đồng trên cơ sở pháp luật và luật SHTT.

2. Chuyển nhượng quyền tác giả, quyền liên quan cho tổ chức, cá nhân khác được thực hiện dựa trên nguyên tắc thương thảo với bên nhận chuyển nhượng về giá, phương thức thanh toán, nội dung và phạm vi chuyển nhượng.

Tác giả không được tự ý chuyển nhượng khi chưa được Trường đồng ý bằng văn bản với bên nhận chuyển nhượng.

3. Hình thức chuyển nhượng quyền SHTT bao gồm độc quyền và không độc quyền.

Chuyển nhượng quyền SHTT không độc quyền là việc Nhà trường cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng có thời hạn và trong phạm vi nhất định.

4. Hợp đồng chuyển nhượng quyền tác giả, quyền sử dụng quyền tác giả được lập thành văn bản gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên và địa chỉ của mỗi bên;
- Căn cứ chuyển nhượng;
- Nội dung và phạm vi chuyển quyền;
- Giá, phương thức thanh toán;
- Hình thức chuyển nhượng;
- Quyền và nghĩa vụ các bên liên quan;
- Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng nếu có.

CHƯƠNG III

KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ PHÂN CHIA LỢI NHUẬN TÀI SẢN TRÍ TUỆ

Điều 8. Khai thác và sử dụng tài sản trí tuệ của Trường

1. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh cùng với tác giả tìm các biện pháp khuyến khích, thúc đẩy khai thác sử dụng hiệu quả sản phẩm trí tuệ đã được bảo hộ.

2. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh hỗ trợ tài chính cho việc nhận chuyển giao và khai thác tài sản trí tuệ đối với các sản phẩm có khả năng thương mại hóa.

3. Tổ chức, cá nhân khi khai thác, sử dụng tài sản trí tuệ phải tôn trọng các quyền nhân thân và quyền tài sản của tác giả và đồng tác giả theo quy định của Luật SHTT,

bao gồm xin phép và trả tiền nhuận bút, thù lao, các quyền lợi vật chất khác cho chủ sở hữu quyền tác giả.

4. Tổ chức, cá nhân khi khai thác, sử dụng các tài sản trí tuệ của Trường đã được bảo hộ theo luật SHTT mà không được phép của chủ sở hữu, đều là hành vi xâm phạm quyền SHTT và phải chịu các chế tài liên quan theo quy định của Trường và pháp luật.

Điều 9. Phân chia lợi nhuận tài sản trí tuệ

1. Trường hợp tài sản trí tuệ được tạo ra sử dụng 100% kinh phí Trường hoặc 100% kinh phí ngân sách Nhà nước hoặc hợp tác quốc tế thông qua Trường, sau khi trừ các chi phí hợp lệ, phần lợi nhuận sau thương mại hóa được phân chia như sau:

- a) Tác giả và đồng tác giả tạo ra tài sản trí tuệ được nhận tối đa 50%;
- b) Sau khi trả thù lao cho tác giả và đồng tác giả, chủ sở hữu tài sản trí tuệ sử dụng 50% lợi nhuận còn lại cho đầu tư phát triển, 50% cho quỹ phúc lợi, khen thưởng.

2. Trường hợp tài sản trí tuệ được tạo ra sử dụng nhiều nguồn kinh phí, trong đó có một phần từ ngân sách Nhà nước thì việc phân chia lợi nhuận theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng đã ký.

CHƯƠNG IV

QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ TUỆ

Điều 10. Quyền và trách nhiệm bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ

Nhà trường, tác giả có quyền áp dụng các biện pháp mà pháp luật cho phép để tự bảo vệ quyền chủ thể sở hữu trí tuệ và có trách nhiệm tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ của tổ chức, cá nhân khác theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 11. Nội dung quản lý về sở hữu trí tuệ

1. Xây dựng quy định, chỉ đạo thực hiện chiến lược, chính sách bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.
2. Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy định về sở hữu trí tuệ.
3. Tổ chức bộ phận quản lý về sở hữu trí tuệ; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về sở hữu trí tuệ.
4. Hỗ trợ tác giả thực hiện các thủ tục liên quan đến đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan.
5. Đàm phán các hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ.
6. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về sở hữu trí tuệ; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ.
7. Tổ chức hoạt động thông tin, thống kê về sở hữu trí tuệ.

8. Giáo dục, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về sở hữu trí tuệ.
9. Hợp tác quốc tế về sở hữu trí tuệ.

Điều 12. Trách nhiệm quản lý sở hữu trí tuệ của các đơn vị trong Trường

1. Phòng Khoa học Công nghệ - Quan hệ Quốc tế chịu trách nhiệm thực hiện quản lý về sở hữu trí tuệ đối với bài báo khoa học; thuyết minh, báo cáo tổng kết đề tài; sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu; tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng; tác phẩm kiến trúc; sơ đồ, bản vẽ, quy trình công nghệ, giải pháp kỹ thuật; chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu; thiết bị, máy móc mới chế tạo.

2. Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm thực hiện quản lý về đồ án, luận văn, luận án tốt nghiệp và bài giảng.

3. Thư viện chịu trách nhiệm thực hiện quản lý về sách chuyên khảo, giáo trình và tác phẩm khác được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác.

4. Phòng Truyền thông chịu trách nhiệm thực hiện quản lý về tên trường, logo của Trường và đơn vị trực thuộc, tác phẩm báo chí, nhiếp ảnh và điện ảnh; bài phát biểu và bài nói khác.

Các đơn vị trên có trách nhiệm phối hợp với các Khoa chuyên môn xây dựng quy định, quy trình, thực hiện các nội dung liên quan đến quản lý SHTT trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Điều 13. Quy trình và thủ tục đăng ký sở hữu trí tuệ

1. Quy trình và thủ tục đăng ký cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp như sau:

a) Tác giả khai đơn đăng ký theo mẫu do Cục sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ cung cấp trên trang web <http://www.noip.gov.vn>. Trường hợp tài sản trí tuệ được tạo ra sử dụng 100% kinh phí Trường hoặc 100% kinh phí ngân sách Nhà nước hoặc hợp tác quốc tế thông qua Trường thì chủ đơn là Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh.

b) Nộp hồ sơ và lệ phí đăng ký tại Cục SHTT hoặc các Văn phòng đại diện của Cục SHTT (tại Thành phố Hồ Chí Minh: Lầu 7, 17-19 Tôn Thất Tùng, P. Phạm Ngũ Lão, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh).

c) Cục SHTT thẩm định hình thức đơn đăng ký trong vòng 1 tháng kể từ ngày nộp đơn.

d) Công bố kết quả hợp lệ hay không hợp lệ. Đơn đăng ký là hợp lệ được công bố trên web của Cục SHTT.

e) Cục SHTT thẩm định nội dung để đánh giá khả năng được bảo hộ cho đối tượng nêu trong đơn theo các điều kiện bảo hộ và xác định phạm vi bảo hộ tương ứng.

f) Cục SHTT cấp hoặc từ chối cấp văn bằng bảo hộ quyền SHTT.

2. Quy trình và thủ tục đăng ký cấp văn bằng bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan như sau:

a) Tác giả khai đơn đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan do Cục Bản quyền tác giả, Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch cung cấp trên trang web <http://www.cov.gov.vn>

b) Tác giả nộp hồ sơ và lệ phí đăng ký tại trụ sở Cục Bản quyền tác giả (tại Thành phố Hồ Chí Minh: 170 Nguyễn Đình Chiểu, P. 6, Q. 3, TP. Hồ Chí Minh).

c) Cục Bản quyền tác giả thẩm định hồ sơ đăng ký trong vòng 15 ngày kể từ ngày nộp hồ sơ.

d) Cục Bản quyền tác giả công bố kết quả và cấp Giấy chứng nhận (nếu hợp lệ).

Nhà trường hỗ trợ 100% lệ phí khi tiến hành các thủ tục liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Trường phòng Khoa học Công nghệ - Quan hệ Quốc tế, Trường các đơn vị và Phòng Khoa học Công nghệ - Quan hệ Quốc tế chịu trách nhiệm thực hiện quy chế này.

Việc sửa đổi, bổ sung quy định này do Hiệu trưởng trình Hội đồng trường Quyết định trên cơ sở đề xuất của Trường phòng Khoa học Công nghệ - Quan hệ Quốc tế và đề nghị của Trường Phòng Tổ chức – Hành chính.

 **HIỆU TRƯỞNG**

PGS.TS Đỗ Văn Dũng